

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1235/SXD-QLN&TTBĐS
V/v bán nhà ở hình thành trong tương
lai tại Dự án Khu phức hợp Thủy
Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B – Đô
thị mới An Vân Dương, tỉnh
Thừa Thiên Huế (Ecogarden)

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Trung tâm Phục vụ Hành chính công Tỉnh;
- Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital.

Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được Văn bản Văn bản số 13/2022/CV-COTANACAPITAL ngày 04/4/2022 của Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital về việc xin xác nhận điều kiện được mở bán nhà ở giai đoạn 2 (Iris) thuộc Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ecogarden); thuộc hồ sơ của thủ tục hành chính tại phiếu số 22.18598/TTPVHCC-GTN ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Trung tâm Phục vụ Hành chính công Tỉnh; Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau:

1. Về thông tin dự án

- Tên dự án: Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ecogarden), (sau đây viết tắt là Dự án).
- Địa điểm thực hiện dự án: Khu B – Đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (trước đây là xã Thủy Vân, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế).
- Chủ đầu tư: Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital (sau đây viết tắt là Chủ đầu tư).
- + Đại diện Liên danh: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital.
- Diện tích sử dụng đất: 44.65 ha.
- Quy mô xây dựng công trình: Theo Hợp đồng thực hiện đầu tư dự án có sử dụng đất số 01/2018/HĐDA ký ngày 06/6/2018 giữa Chủ đầu tư và Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế và các Phụ lục Hợp đồng đã ký giữa Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế và Chủ đầu tư.

2. Giấy tờ về quyền sử dụng đất

Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã có Quyết định giao đất (đợt 1) cho chủ đầu tư để thực hiện dự án tại Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 10/5/2021.

Tất cả 96 căn nhà mà Chủ đầu tư xin mở bán đợt này thuộc diện tích đất đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho Chủ đầu tư nêu trên.

3. Về hồ sơ dự án

Dự án đầu tư xây dựng đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 11/QĐ-DA ngày 10/6/2018 và Quyết định số 08/2019/QĐ-DA ngày 26/4/2019.

Riêng đối với công trình Khu nhà ở giai đoạn 2 (Iris) thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, Khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ecogarden) đã được Chủ đầu tư phê duyệt tại Quyết định số 36/2022/QĐ-COTANA CAPITAL ngày 18/3/2022.

4. Về thiết kế bản vẽ thi công

Ngày 19/3/2022, Chủ đầu tư đã có Quyết định số 37/2022/QĐ-COTANA CAPITAL về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công công trình Khu nhà ở giai đoạn 2 (Iris) thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, Khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ecogarden).

5. Về giấy phép xây dựng của dự án

Khoản 30, Điều 1, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 quy định: “...Nhà ở riêng lẻ có quy mô dưới 07 tầng thuộc dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng nhà ở có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được miễn giấy phép xây dựng...”

Các căn nhà xin mở bán đợt này đều có quy mô dưới 07 tầng, nên được miễn giấy phép xây dựng theo quy định nêu trên.

6. Giấy tờ về nghiệm thu hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ

Văn bản số 2875/SXD-CCGD ngày 09/8/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế về việc kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công (lần 1) hạng mục San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, chiếu sáng, viễn thông (giai đoạn 1A) và Văn bản số 691/SXD-CCGD ngày 04/3/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế về việc kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công (lần 2) hạng mục Hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1B, 2A, 2B, 3A thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B – Đô thị mới An Vân Dương.

7. Về thế chấp dự án, quyền sử dụng đất và nhà ở hình thành trong tương lai

Chủ đầu tư đã thế chấp toàn bộ quyền với tư cách là chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh và khai thác dự án cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân (Ngân hàng). Do đó, ngày 19/7/2021, Chủ đầu tư đã có văn bản số 36/2021/CV-COTANA CAPITAL gửi Ngân hàng đề nghị Ngân hàng xác nhận cho phép chủ đầu tư được mở bán các căn nhà, thửa đất đang thế chấp.

Ngày 21/7/2021, Ngân hàng đã có văn bản số 354/CV-BIDV.PX gửi Chủ đầu tư đề đồng ý cho Chủ đầu tư được mở bán các căn nhà, thửa đất thuộc Dự án đang thể chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 03/2019/10780777/HĐTC ngày 20/12/2019.

8. Bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư đối với khách hàng

Ngày 20/12/2019, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân và Chủ đầu tư đã ký Hợp đồng cấp bảo lãnh số 01/2019/10780777/HĐCBL.

9. Ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

Căn cứ theo quy định tại Điều 55, Điều 56, Điều 57 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở năm 2014; **96** căn nhà (*có danh sách kèm theo*), thuộc công trình Khu nhà ở giai đoạn 2 (Iris) của Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, Khu B - Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ecogarden) do Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital làm chủ đầu tư, đủ điều kiện được bán nhà ở hình thành trong tương lai.

10. Trách nhiệm của Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital

a) Thực hiện việc huy động vốn lần đầu không quá 30% giá trị hợp đồng, những lần tiếp theo phải phù hợp với tiến độ xây dựng bất động sản nhưng tổng số không quá 70% giá trị hợp đồng khi chưa bàn giao nhà, công trình xây dựng cho khách hàng và không được thu quá 95% giá trị hợp đồng khi bên mua chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đảm bảo theo quy định tại Điều 57 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014.

b) Thực hiện bảo lãnh nghĩa vụ tài chính của Chủ đầu tư đối với khách hàng đảm bảo theo quy định tại Điều 56, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và Thông tư số 13/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 07/2015/TT-NHNN ngày 25/6/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về bảo lãnh ngân hàng.

Trước khi ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, trong trường hợp Chủ đầu tư chưa giải chấp thì phải có biên bản thống nhất của bên mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán nhà ở đó.

c) Công bố công khai các thông tin chính sau đây của dự án theo Điều 6, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014: Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân và Chủ đầu tư, văn bản cho

phép bán nhà ở hình thành trong tương lai của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế; các hạn chế về quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản (nếu có)...

d) Thực hiện trình tự, thủ tục chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai theo quy định tại Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản và Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

đ) Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chuẩn xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm hồ sơ đã cung cấp.

Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế thông báo để Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Cotana - Công ty Cổ phần tập đoàn Telin - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Xuân (để biết);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNN&TTBĐS.

[Handwritten signatures]

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

[Red circular stamp: SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ]

[Handwritten signature]

Nguyễn Phước Bửu Hùng

SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

DANH MỤC NHÀ Ở HÌNH THÀNH TƯƠNG LAI ĐỦ ĐIỀU KIỆN MỞ BÁN

**CÔNG TRÌNH: KHU NHÀ Ở GIAI ĐOẠN 2 (IRIS), THUỘC DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP THỦY VÂN, GIAI ĐOẠN 2,
THUỘC KHU B, ĐÔ THỊ MỚI AN VÂN DƯƠNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Địa điểm: Phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

(Kèm theo Công văn số **1235** /SXD-QLN&TTBĐS ngày **14** tháng 4 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng dự kiến (m ²)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m ²)
1	IR1-1	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	311.93	92.05	286.45
2	IR1-2	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
3	IR1-3	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
4	IR1-3A	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
5	IR1-5	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
6	IR1-6	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
7	IR1-6A	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
8	IR1-8	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	282.65	77.49	244.46
9	IR1-9	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	282.65	77.49	244.46
10	IR1-10	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
11	IR1-11	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
12	IR1-12	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng dự kiến (m2)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m2)
13	IR1-12A	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
14	IR1-12B	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
15	IR1-15	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	77.49	244.46
16	IR1-16	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	311.93	77.49	244.46
17	IR2-1	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	302.0	101.39	314.14
18	IR2-2	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	200.0	101.39	314.14
19	IR2-3	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
20	IR2-3A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
21	IR2-5	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
22	IR2-6	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
23	IR2-6A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
24	IR2-8	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
25	IR2-9	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
26	IR2-10	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
27	IR2-11	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	200.0	101.39	314.14
28	IR2-12	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	210.0	101.39	314.14
29	IR2-12A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	207.54	82.79	256.75
30	IR2-12B	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
31	IR2-15	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng dự kiến (m2)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m2)
32	IR2-16	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
33	IR2-17	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
34	IR2-18	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
35	IR2-19	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
36	IR2-20	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
37	IR2-21	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
38	IR2-22	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
39	IR2-23	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
40	IR2-23A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
41	IR2-25	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
42	IR2-26	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
43	IR2-27	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	256.75
44	IR2-28	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	207.54	82.79	256.75
45	IR2-29	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	210.0	101.39	314.14
46	IR2-30	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	200.0	101.39	314.14
47	IR2-31	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
48	IR2-32	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
49	IR2-33	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
50	IR2-33A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng dự kiến (m2)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m2)
51	IR2-35	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
52	IR2-36	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
53	IR2-37	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
54	IR2-38	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
55	IR2-39	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	200.0	101.39	314.14
56	IR2-40	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	302.00	101.39	314.14
17	IR2-41	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	240.88	101.39	314.14
18	IR2-42	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.39	314.14
19	IR2-43	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
20	IR2-43A	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
21	IR2-45	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
22	IR2-46	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
23	IR2-47	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
24	IR2-48	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
25	IR2-48A	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
26	IR2-50	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	160.0	82.79	256.01
27	IR2-51	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.39	314.14
28	IR2-52	Biệt thự song lập thương mại	3 tầng + 01 tầng áp mái	240.88	101.39	314.14
69	IR2-52A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	224.53	101.66	310.48

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng dự kiến (m2)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m2)
70	IR2-52B	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.66	310.48
71	IR2-55	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
72	IR2-56	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
73	IR2-57	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
74	IR2-58	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
75	IR2-59	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
76	IR2-60	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
77	IR2-61	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
78	IR2-62	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
79	IR2-63	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
80	IR2-63A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
81	IR2-65	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.66	310.48
82	IR2-66	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	224.53	101.66	310.48
83	IR2-67	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	276.98	101.66	310.48
84	IR2-68	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.66	310.48
85	IR2-69	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
86	IR2-70	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
87	IR2-71	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
88	IR2-72	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84

STT	Ký hiệu	Loại hình	Số tầng	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng dự kiến (m2)	Tổng diện tích xây dựng dự kiến (m2)
89	IR2-73	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
90	IR2-73A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
91	IR2-75	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
92	IR2-75A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
93	IR2-77	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
94	IR2-77A	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	150.0	82.79	252.84
95	IR2-79	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	180.0	101.66	310.48
96	IR2-80	Biệt thự song lập	3 tầng + 01 tầng áp mái	276.98	101.66	310.48